

# XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRÊN THẾ GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN ANH TUẤN\*

Ngày nhận bài: 24/05/2016; ngày sửa chữa: 24/05/2016; ngày duyệt đăng: 26/05/2016.

**Abstract:** The article analyses current trends of tertiary education development in the world and challenges universities facing. The trends presented in this article include improving the comprehensive quality of higher education, enhancing scientific research activities, building lifelong education systems, implementing policies to diversify investments for higher education; carrying out management institutions combined between centralization and decentralization, etc. The article assesses tertiary education in Vietnam today and proposes solutions to improve quality of higher education in our country in order to catch up with current trends in the world.

**Keywords:** Higher education, global higher education development, current trends.

Từ những năm cuối thế kỉ XX, giáo dục đại học (GDĐH) của các nước trên thế giới đã xuất hiện một số đặc điểm chung trong xu thế cải cách. Một trong những nguyên nhân quan trọng là chế độ GDĐH của các nước nằm trong bối cảnh quốc tế tương tự nhau, xuất phát điểm để xem xét các vấn đề chủ yếu của GDĐH là tương đối giống nhau; do đó, dù khác nhau về văn hóa, tín ngưỡng, phong tục,... nhưng trọng tâm trong cải cách GDĐH ở các nước về cơ bản là giống nhau và nhiệm vụ cải cách về đại thể là có những nét tương đồng. Tổng quan xu thế cải cách GDĐH của các nước trên thế giới trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đưa ra những định hướng phát triển cho nền GDĐH Việt Nam, thiết nghĩ đây là một nhiệm vụ thiết thực cần được tập trung nghiên cứu trong giai đoạn hiện nay.

## 1. Xu thế phát triển của GDĐH trên thế giới

Bất kể một hệ thống hay chế độ nào (chế độ chính trị, chế độ kinh tế,...) cũng đều vận động, phát triển không ngừng từ mất cân đối đến cân đối, rồi mất cân đối,... lặp đi lặp lại không ngừng nhằm tìm kiếm một sự cân đối mới. Sự phát triển của GDĐH thế giới cũng không ngoại lệ, không phải là "nhất thành bất biến", mà yêu cầu GDĐH phải không ngừng tìm tòi nghiên cứu, đổi mới và cải thiện để phát triển. Trong bức tranh phát triển chung của GDĐH trên thế giới hiện nay, có thể nhận thấy mấy xu thế phát triển cơ bản dưới đây:

**1.1. Nỗ lực nâng cao chất lượng GDĐH toàn diện.** Là một bộ phận của xã hội, giáo dục (GD) nói chung, GDĐH nói riêng phải đáp ứng yêu cầu đào tạo con người cho xã hội. Khi điều kiện KT-XH biến

đổi, GDĐH cần phải tiến hành cải cách nhằm đáp ứng yêu cầu mới của xã hội do sự biến đổi gây ra. Từ những năm cuối của thế kỉ XX, nền GDĐH của đa số các quốc gia đã trải qua thời kì điều chỉnh và mở rộng quy mô tuyển sinh. Giải quyết nhiệm vụ mở rộng quy mô tuyển sinh và nâng cao chất lượng GDĐH trở thành vấn đề thu hút sự quan tâm của các thành phần trong xã hội. Do vậy, chính phủ các nước và các trường đại học (ĐH) đã thể hiện quyết tâm cải cách thực trạng này và đề xuất những giải pháp lớn, đặc biệt là nhấn mạnh mối quan hệ giữa GD phổ thông và GDĐH, kì vọng thông qua nâng cao chất lượng của GD phổ thông - là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng GDĐH. Đầu những năm 90 của thế kỉ XX, ở Mĩ, chính phủ Liên bang, chính quyền các châu và giới trí thức ở trường ĐH đã tổ chức nhiều hội thảo, nỗ lực kêu gọi tăng cường mối quan hệ giữa GDĐH và GD tiểu học, GD trung học với phương thức cụ thể như: - Mở cửa trường ĐH, tạo cơ hội và điều kiện để đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiểu học và giáo viên trung học; - Giảng viên ĐH xuống nhà trường cơ sở, phối hợp cùng giáo viên tiểu học và trung học tiến hành nghiên cứu và tổ chức thực nghiệm; - Trường ĐH tận dụng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của mình để phục vụ, hỗ trợ nhà trường phổ thông; - Trường ĐH giúp đỡ trường phổ thông tiến hành cải cách chương trình, bảo đảm cho học sinh tập trung sức lực phấn đấu học tập các môn học chủ yếu như ngoại ngữ, toán học, các môn học cơ bản về tự nhiên và xã hội... Những

\* Viện Đại học Mở Hà Nội

giải pháp này đã góp phần đẩy mạnh cải cách GD phổ thông, phát huy tốt hơn vai trò, trách nhiệm xã hội của GDĐH; đồng thời, ở một mức độ nào đó là góp phần thuận lợi hơn trong việc lựa chọn nguồn tuyển sinh của các trường ĐH từ nhà trường phổ thông. Những giải pháp trên đây của GDĐH Mĩ đã được các quốc gia như Nhật Bản, Pháp, Đức, Anh hưởng ứng và đạt được hiệu quả nhất định. Do vậy, đối với GDĐH, những giải pháp trên càng có ý nghĩa sâu sắc trong việc phát huy vai trò của GDĐH, từ đó đẩy mạnh chất lượng của các trường ĐH.

**1.2. Chú trọng và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học.** Hiện nay, rất nhiều trường ĐH của các nước được xây dựng theo hướng ĐH nghiên cứu. Chính phủ nhiều nước cũng hỗ trợ các trường ĐH xây dựng các tổ chức nghiên cứu khoa học có quy mô lớn. Từ năm 1985-2005, nước Mĩ đã giúp đỡ các trường ĐH xây dựng 11 trung tâm nghiên cứu có quy mô lớn. Ở Nhật Bản, Đức, Pháp và Anh, mọi người đều dễ dàng nhận thấy, quốc gia đã hỗ trợ các trường ĐH xây dựng và phát triển các trung tâm nghiên cứu khoa học trong trường ĐH. Những quốc gia này cho rằng, bảo đảm trình độ nghiên cứu khoa học của các trường ĐH ưu tú là tiền đề cơ bản để bảo đảm trình độ nghiên cứu khoa học của quốc gia, điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng để nâng cao sức cạnh tranh tổng hợp của quốc gia trên phạm vi quốc tế. Trong bối cảnh quốc tế hóa cao độ hiện nay, các quốc gia đều tự giác đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường ĐH, điều này cũng cho thấy chức năng nghiên cứu khoa học của các trường ĐH có ý nghĩa chính trị và ý nghĩa kinh tế hết sức to lớn.

**1.3. Xây dựng hệ thống GD suốt đời.** Từ cuối thế kỉ XX, yêu cầu khách quan về việc tiến hành một cuộc cải cách GD mang tính toàn cầu ngày càng thể hiện rõ khi loài người chứng kiến sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, thấy rõ những chuyển biến cực kì quan trọng, tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến tình hình các nước, các dân tộc và cuộc sống thường ngày của con người. Trong những chuyển biến đó, nổi bật là sự hình thành xã hội thông tin; sự xuất hiện ngày càng nhiều ngành KT-XH phải dựa vào thông tin tri thức; kinh tế tri thức và xu thế không thể cưỡng lại của toàn cầu hóa. Những yếu tố đó đã tác động mạnh mẽ đến GD nói chung, GDĐH nói riêng của tất cả các quốc gia, đặt ra trách nhiệm của các trường ĐH đối với nhiệm vụ GD người lớn và GD suốt đời - là chìa khóa để bước vào thế kỉ XXI.

Ở Mĩ, các trường ĐH giảng dạy chương trình ban đêm hoặc cuối tuần đã thực hiện phương thức GD tại

chức cho hơn 5.000.000 người [1; tr 18]. Đồng thời, nhiều xí nghiệp, công ti lớn đã tham gia vào quá trình đào tạo của các trường ĐH. Theo thống kê, bình quân mỗi năm, các doanh nghiệp, xí nghiệp ở Mĩ đã chi ra hơn 30 triệu USD Mĩ để bồi dưỡng trình độ ĐH trở lên; ngoài ra, các doanh nghiệp, xí nghiệp tham gia bồi dưỡng, đào tạo ĐH ngày càng mang nhiều nét đặc sắc của mình. Chẳng hạn, mục tiêu bồi dưỡng rõ ràng, thiết thực, chủ yếu là để bồi dưỡng phát triển nhân lực cho công ti, doanh nghiệp của mình; kế hoạch dạy học linh hoạt, thuận tiện cho người lớn tham gia học tập; đa số sử dụng giảng viên dạng hợp đồng có thời hạn, chú trọng hợp đồng với đội ngũ giảng viên có trình độ và uy tín giảng dạy... GD người trưởng thành và vai trò của doanh nghiệp, xí nghiệp tham gia GDĐH đã trở thành khung cơ bản của hệ thống GD suốt đời của nước Mĩ với mục tiêu là tạo mọi cơ hội học tập suốt đời cho mọi người, giúp cho mỗi cá nhân thích ứng với những tiến bộ khoa học - công nghệ, tham gia tích cực vào phát triển KT-XH, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Nhật Bản đứng trước xu thế già hóa dân số, đồng thời phải thích ứng với yêu cầu phát triển của xã hội thông tin hóa, quốc tế hóa đã tích cực đẩy mạnh xây dựng một xã hội trong đó tạo cơ hội và điều kiện học tập suốt đời cho người dân, điều này thể hiện mục tiêu xây dựng "xã hội vừa công tác, vừa học tập" của Nhật Bản. Trước thập kỉ 80 của thế kỉ XX, cơ cấu GDĐH của Nhật Bản chủ yếu là GD chính quy. Về sau, Chính phủ Nhật Bản kêu gọi cải cách hiện trạng này nhằm thích ứng với những đổi thay của thời đại, không chỉ tạo cơ hội GD cho thế hệ trẻ mà còn tạo thêm cơ hội học tập cho mọi người ở các lứa tuổi khác nhau, tạo ra những cơ hội học tập thuận lợi cho mọi người, phát huy hết nỗ lực của mỗi cá nhân, đóng góp cho sự nghiệp phát triển KT-XH đất nước. Hiện nay, các viện sau ĐH, trường ĐH, ĐH chuyên ngành và các trường bồi dưỡng ở Nhật Bản đang nỗ lực phát triển để thích ứng với sự thay đổi trong kết cấu độ tuổi của dân số và yêu cầu phát triển của khoa học kĩ thuật trong bối cảnh quốc tế hóa cao độ, thỏa mãn nhu cầu về học tập, bổ sung kiến thức và kĩ thuật của nhân viên kĩ thuật và nhân viên nghiên cứu trong các công ti, doanh nghiệp. Để thực hiện yêu cầu đó, các trường ĐH của Nhật Bản đã áp dụng nhiều giải pháp quan trọng. Ví dụ: cải cách chế độ tuyển sinh, mở rộng cơ hội học lên bậc học cao hơn cho mọi người; tạo nhiều cơ hội GD tại chức; tự do hóa tư cách nhập học; cải cách biện pháp tiếp nhận người học; cải cách nội dung GD và phương pháp kiểm tra, đánh giá; nỗ lực xây dựng môi

trường GD thuận lợi nhất cho người học tại chức; tổ chức các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ vào ban đêm hoặc ngoài giờ làm việc... Đây cũng là những biện pháp chủ yếu mà nhiều nước phát triển trên thế giới đã áp dụng khi tiến hành cải cách nội dung và hình thức của GDĐH.

**1.4. Thực hiện chính sách đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho GDĐH.** Trên phương diện đầu tư nguồn lực cho GDĐH, chính phủ các nước đã phát huy vai trò chủ thể của mình. Mấy chục năm trở lại đây, chính phủ các nước đều nỗ lực nâng cao hoặc cải thiện sự đầu tư nguồn lực cho GDĐH. Nguyên nhân cơ bản là, mọi người đều nhận thức được vai trò vô cùng quan trọng của GDĐH đối với sự phát triển của dân tộc, quốc gia và xã hội, một nguyên nhân khác nữa là, chính sách chính phủ đầu tư nguồn lực cho GDĐH sẽ góp phần đẩy mạnh sự bình đẳng về cơ hội tiếp nhận GDĐH của mọi người, giúp cho GDĐH phát triển một cách ổn định, làm cho mục tiêu phát triển lâu dài của GDĐH tránh được sự tác động tiêu cực của thị trường.

Tuy nhiên, yêu cầu về đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho GDĐH cũng đặt ra ngày càng mạnh mẽ. Các quốc gia đều nhận thức được rằng, kinh phí cho GDĐH ngày càng tăng lên và quốc gia không thể chi trả toàn bộ kinh phí cho GDĐH, cho nên nguồn kinh phí cho GDĐH đòi hỏi tất yếu phải có sự tham gia từ nhiều nguồn khác nhau. Điều quan trọng hơn, nguồn kinh phí đầu tư cho GDĐH là đơn nguyên hay đa nguyên thì điều này liên quan đến một vấn đề rất lớn, đó là sức mạnh của GDĐH của mỗi quốc gia. Rất nhiều học giả cho rằng, nếu chính phủ chịu trách nhiệm chi trả kinh phí cho GDĐH, sẽ tạo nên tình trạng ỷ lại, thiếu động lực cải cách của các trường ĐH. Việc đa dạng các nguồn kinh phí đầu tư cho GDĐH sẽ cổ vũ cho các trường ĐH nhận được nhiều nguồn kinh phí và tăng tính cạnh tranh trong điều kiện mở rộng kinh tế thị trường hiện nay, đồng thời sẽ bảo đảm nhiều quyền tự chủ của trường ĐH, hình thành tính nhạy bén và chủ động thích ứng của các trường ĐH trước những yêu cầu của quốc gia và áp lực của thị trường. Các quốc gia cũng nhận thấy, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho GDĐH là yếu tố đảm bảo cho quyền tự chủ và tinh thần sáng tạo của các trường ĐH. Trên quan niệm này, rất nhiều quốc gia đang tìm tòi giải pháp cải cách để kết hợp phương thức đa dạng các nguồn đầu tư cho GDĐH với vai trò chủ đạo của chính phủ trong đầu tư cho GDĐH. Chẳng hạn, chuyển từ trực tiếp đầu tư sang gián tiếp đầu tư hoặc đầu tư từng hạng mục; thực hiện chế độ hợp đồng; gắn kết đầu tư kinh phí với gánh vác trách nhiệm và

đánh giá hiệu quả,... Bên cạnh đó, nhiều quốc gia cũng tiến hành điều chỉnh tỉ lệ đầu tư cho GD học của Chính phủ Trung ương và chính quyền địa phương, mục đích là để quán triệt quan niệm trên đây.

#### **1.5. Tích cực thực hiện thể chế quản lý GDĐH kết hợp hài hòa giữa tập quyền và phân quyền.**

Tổng quan thể chế quản lý GDĐH hiện nay của các quốc gia trên thế giới có thể thấy rằng, thể chế quản lý GDĐH *tập quyền Trung ương, phân quyền địa phương và hỗn hợp* là 3 thể chế quản lý GDĐH tạo nên thể chân vạc. Các quốc gia trên thế giới xây dựng thể chế quản lý GDĐH không giống nhau và sự lựa chọn đó đều có căn nguyên của nó dưới ảnh hưởng của những nhân tố thể chế chính trị (bao gồm tư tưởng chính trị, quan điểm chính sách của các nhà lãnh đạo và các nhóm chịu ảnh hưởng của GD; cấu trúc hành chính và năng lực của chính phủ...), kinh tế, truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc, mục tiêu GD, tổ chức nhà GD và những yếu tố khác. Chẳng hạn, nước Mĩ thực hiện thể chế quản lý GDĐH phân quyền địa phương chủ yếu là do ảnh hưởng của chế độ chính trị và thể chế QLGD phân quyền địa phương.

Trong sự tương hỗ giữa 3 thể chế quản lý GDĐH trên đây, hiện nay có một xu hướng mới là *các quốc gia không ngừng cải cách thể chế quản lý GDĐH theo khuynh hướng hòa hợp*. Cho dù là thể chế quản lý GDĐH tập quyền trung ương hay phân quyền địa phương thì các quốc gia đều tính toán đến sự kết hợp giữa tập quyền và phân quyền. Loại hình hòa hợp này cũng tìm kiếm những điểm kết hợp, cân đối mới giữa các loại thể chế quản lý GDĐH.

Những quốc gia có truyền thống tập quyền quản lý GDĐH đang nỗ lực từng bước để chuyển sang phân quyền cho cấp dưới; những quốc gia trước đây thực hiện thể chế phân quyền quản lý GDĐH thì đang cố gắng để tăng cường vai trò quản lý của chính phủ trung ương. Nhiều trường ĐH danh tiếng của Anh đều mang tính tự trị rất lớn, song trong khoảng 20 năm trở lại đây cũng đã hưởng ứng yêu cầu "ĐH tham dự". Bộ GD và Khoa học của Chính phủ Anh nhiều lần đề xuất đầu tư kinh phí cho các trường ĐH để từ đó đề xuất những yêu cầu cải cách cụ thể; coi GDĐH là một chính thể trong đó mỗi trường ĐH là một đơn vị hợp thành; chủ trương các trường ĐH đặt quyền tự chủ của mình thuộc về hệ thống GDĐH... Tương ứng với những yêu cầu của Chính phủ Anh, hiệu trưởng các trường ĐH và viện trưởng các học viện đều nhất trí tuyên bố, hoan nghênh Chính phủ tăng cường vai trò chỉ đạo hơn nữa đối với các trường ĐH. Đội ngũ giáo sư kêu gọi chính phủ cần giao cho họ những quy định nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng và có thể

thực hiện được. Những năm 90 của thế kỉ XX, Chính phủ Anh đã công bố sách trắng “GDĐH: một hệ thống mới” với tinh thần chủ yếu là từ bỏ truyền thống thể chế 2 tầng học thuật và ứng dụng của GDĐH, xây dựng thể chế GDĐH đơn nhất, đồng thời tổ chức nhóm thẩm định chất lượng GDĐH, chịu trách nhiệm giám sát vĩ mô chất lượng GDĐH của nước Anh. Rất nhiều học giả cho rằng, với việc ban bố sách trắng “GDĐH: một hệ thống mới” chúng ta thể chế quản lí GDĐH của nước Anh đang từng bước chuyển hướng sang kết hợp thể chế quản lí phân quyền địa phương và tập quyền trung ương.

Thể chế quản lí GDĐH của Mĩ cũng là mô hình điển hình về phân quyền. Trường ĐH do các châu tự quản lí, chính phủ Liên bang chỉ giữ vai trò phục vụ trên các phương diện tư vấn và thông tin. Tuy nhiên, từ thập kỉ 90 thế kỉ XX trở lại đây, chính phủ Liên bang và chính phủ các châu đã từng bước tăng cường vai trò quản lí của mình đối với các trường ĐH. Chẳng hạn, chính phủ Liên bang ban hành “Luật GDĐH” là căn cứ pháp lí để bảo đảm kinh phí đầu tư cho GDĐH, đồng thời cũng mở ra con đường can dự của quốc gia đối với các trường ĐH. Giới học giả GDĐH Mĩ cho rằng: “*Luật GDĐH là đạo luật đầu tiên mà Chính phủ Liên bang trực tiếp quan tâm đến GDĐH Mĩ*” [1; tr 20]. Hiện nay, chúng ta có thể thấy rõ ràng rằng, mục đích của chính phủ Mĩ đã “thấm thấu” vào trong chế độ GDĐH Mĩ, trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến phương hướng phát triển của GDĐH Mĩ. Chẳng hạn, vai trò can dự của chính phủ Liên bang đối với GDĐH thể hiện trên phương diện nghiên cứu khoa học của các trường ĐH Mĩ. Trong các hạng mục nghiên cứu khoa học của quốc gia, các học giả tình nguyện đảm nhận trách nhiệm và vì lợi ích của quốc gia mà phục vụ. Kế hoạch “Star Wars Program” nếu như không có các trường ĐH và giới học giả tham gia và đề xướng thì khó có thể hình thành hoặc khó đạt được sự phát triển. Đây là một ví dụ chứng tỏ Chính phủ Liên bang Mĩ đã can dự ngày càng sâu vào GDĐH.

Khác với Anh và Mĩ, hai nước Pháp và Nhật Bản đều theo truyền thống quản lí GDĐH theo thể chế trung ương tập quyền. Hiện nay, hai nước này đang từng bước nới lỏng sự quản lí vĩ mô và vai trò can dự của chính phủ trung ương vào GDĐH, mục tiêu là tạo nhiều không gian tự chủ hơn cho các trường ĐH. Tại Pháp, sau phong trào bãi khóa của học sinh, sinh viên (5/1968), quản lí GDĐH của nước Pháp từng bước phân quyền. Năm 1984, nước Pháp thông qua **Luật GDĐH**, từ đây không gian tự chủ của các trường ĐH được mở rộng. Bộ Luật GDĐH này quy định:

trường ĐH là nơi thực hiện các phương diện giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hành chính và tài vụ, là nơi có quyền tự chủ về GDĐH công lập và nghiên cứu khoa học.

GDĐH Nhật Bản với mục tiêu phát triển cá tính hóa, quốc tế hóa, đã mở rộng không gian nghiên cứu cho các trường ĐH. Nhằm phát huy vai trò của GDĐH, chính phủ Nhật Bản đã đề xuất nhiều ý kiến cải cách GDĐH. Thực chất của các tư tưởng cải cách GDĐH chính là tăng quyền tự chủ cho các trường ĐH, cải cách thể chế quản lí khép kín, một chiều từ trên xuống. Và như phần trên đã trình bày, chế độ GDĐH Nhật Bản trong quá trình xây dựng thể chế GD suốt đời, trên thực tế đã thực hiện tư tưởng cải cách thể chế quản lí GDĐH.

Ngoài ra, khảo sát chế độ GDĐH của các quốc gia trên thế giới, chúng ta cũng nhận thấy xu thế pháp chế hóa, đại chúng hóa. Điều đó chứng tỏ chế độ GDĐH của các nước đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ.

## **2. Suy nghĩ về định hướng phát triển GDĐH ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay**

Sau 30 năm tiến hành đổi mới GDĐH, Việt Nam đã có những cải cách hết sức cơ bản, nhờ đó GDĐH đã có những thay đổi khá ấn tượng và đã tạo ra khuôn mặt mới của GDĐH Việt Nam. Những cải cách cơ bản là: tăng nhanh quy mô GDĐH với tốc độ bình quân trong 10 năm qua khoảng 18% (GDĐH Việt Nam đã bị hạn chế trong suốt 30 năm chiến tranh và tiếp tục trì trệ trong thập kỉ 80 của thế kỉ XX); đa dạng hóa loại hình trường ĐH (ĐH công lập, ĐH ngoài công lập, ĐH mở, các chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài,...) đã tạo nên một bộ phận GDĐH không dựa vào ngân sách Nhà nước; tăng nhanh tỉ lệ ngân sách GD, trong đó có GDĐH; không còn xem GDĐH là một phúc lợi công hoàn toàn miễn phí,... Tuy nhiên, nhiều mặt (trong đó có tổ chức quản lí) vẫn còn nhiều hạn chế như: nhiều quyết định (tuyển sinh, chương trình đào tạo, tài chính...) vẫn tập trung ở Trung ương; chưa chủ động xây dựng chiến lược và chính sách cho những thách thức mới của nền GDĐH trong bối cảnh mới (ví dụ chiến lược hội nhập quốc tế, phân cấp và tự chủ,...).

Từ thực tiễn GDĐH Việt Nam nói trên, cùng với xu thế phát triển của GDĐH thế giới, chúng tôi cho rằng, GDĐH Việt Nam cần phát triển theo những định hướng cơ bản dưới đây:

- Xây dựng hệ thống GDĐH bao gồm các cơ sở GD được tổ chức một cách đa dạng về mục tiêu đào tạo, phương thức đào tạo, loại hình sở hữu, nguồn lực huy động, đảm bảo chất lượng và hiệu quả, góp

phần hình thành xã hội học tập và xây dựng nền GDĐH đại chúng.

- Hoàn thiện sứ mệnh của GDĐH là nơi đào tạo nguồn nhân lực cấp cao, góp phần phát triển KT-XH của đất nước thông qua các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng và tư vấn, là nơi tạo dựng những ý tưởng sáng tạo mới. Đồng thời, có chính sách đảm bảo về công bằng xã hội, tạo điều kiện bình đẳng về cơ hội cho mọi người trong việc tiếp cận GDĐH.

- Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho GDĐH. Nhà nước xem GDĐH là loại dịch vụ công có liên quan đến thị trường nhưng tự nó không phải là loại dịch vụ có thể mua bán tự do trên thị trường. Nhà nước phải đóng vai trò chính trong việc chia sẻ tài chính GDĐH, có chính sách kiểm soát chặt chẽ những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường đến GDĐH.

- Phân cấp quản lý GDĐH và quyền tự chủ của các cơ sở GDĐH phải đi kèm với trách nhiệm xã hội của các cơ sở GD này. Nhà nước thực hiện chức năng quản lý của mình đối với GDĐH, thống nhất quản lý GDĐH bằng luật pháp và chính sách, xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược và kế hoạch phát triển, ban hành và kiểm tra việc thực hiện các chính sách và quy định về công tác quản lý, đảm bảo chất lượng,... của các cơ sở GDĐH.

\* \* \*

Loài người bước sang thế kỉ XXI với đặc trưng là thời đại kinh tế tri thức, toàn cầu hóa kinh tế, mạng hóa thông tin... Sự cạnh tranh về kinh tế, khoa học kĩ thuật trên phạm vi toàn thế giới diễn ra một cách kịch liệt. Bối cảnh đó đặt ra những thách thức to lớn đối với GDĐH của các quốc gia, ai chiếm vị trí tiên phong về GDĐH thì người đó có địa vị chủ động trong cuộc cạnh tranh quốc tế. Nhận thức được điều này, nền GDĐH của các quốc gia phát triển với tốc độ nhanh chóng với những xu thế không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng GDĐH toàn diện; chú trọng và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học; xây dựng hệ thống GD suốt đời; thực hiện chính sách đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho GDĐH; tích cực thực hiện thể chế quản lý GDĐH kết hợp hài hòa giữa tập quyền và phân quyền; pháp chế hóa, đại chúng hóa,... Làm thế nào để xây dựng một thể chế và cơ cấu GDĐH hợp lí hơn, thực hiện tổng hợp các chức năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội, thống nhất giữa sáng tạo tri thức - truyền bá - ứng dụng thực tiễn; không ngừng nâng cao trình độ và chất lượng GDĐH; xây dựng một nền GDĐH hiệu quả tốt hơn... là những mục tiêu theo đuổi của chính phủ các quốc gia và các nền GD,

trong đó có Việt Nam, đây cũng chính là động lực để GDĐH không ngừng được cải cách. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Hứa Khánh Dự - Cát Học Mẫn (2004). *Nghiên cứu chế độ giáo dục đại học các nước*. NXB Đại học Khoa học Trung Quốc.
- [2] Triệu Văn Hóa (2007). *Chế độ đại học hiện đại: vấn đề và đối sách*. NXB Đại học Giao thông Thượng Hải.
- [3] Viên Chấn Quốc (2001). *Luận về cải cách giáo dục* (Bùi Minh Hiền dịch). NXB Giáo dục.
- [4] World bank (2008). *Global trends in University Governance. Education Working Paper Series - Number 9*.
- [5] Reehana R.Raza (2010). *Higher Education Governance in East Asia*. 7-14. Worldbank.

## Kĩ thuật và nghệ thuật huy động...

(Tiếp theo trang 44)

khen ngợi có hệ số tác động cỡ 30%; với hành vi liên quan đến duy trì tần suất trao đổi có hệ số tác động cỡ 10%; với hành vi liên quan đến thời gian trao đổi có hệ số tác động cỡ 10%, còn lại là tạo bởi bầu không khí của lớp học. Muốn huy động sự tham gia của HS vào bài học, GV phải là người thân thiện, biết truyền cảm hứng cho HS và đặc biệt là phải có KT&NT huy động sự TGCHS.

\* \* \*

Huy động sự TGCHS vào bài học nói riêng và hoạt động học trên lớp nói chung là một khoa học và NT. KT huy động trong thực tế vận dụng mềm dẻo và tùy loại bài học; tuy nhiên chúng tôi chia sẻ những KT thông dụng khi huy động sự TGCHS vào bài học để GV có thể phát huy tính tích cực, chủ động của HS khi dạy học và tổ chức hoạt động học có hiệu quả trên lớp trước yêu cầu đổi mới GD hiện nay. □

(Kết quả nghiên cứu đề tài QG.15.65, Đại học Quốc gia Hà Nội)

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Xuân Hải (2012). *Kĩ thuật dạy học trong đào tạo theo tín chỉ*. NXB Bách khoa Hà Nội.
- [2] Robert J. Marzano (2011). *Nghệ thuật và khoa học của dạy học* (Nguyễn Hữu Châu dịch). NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] J. Denome, M. Roy (2009). *Sự phạm tương tác - Một tiếp cận khoa học thần kinh về dạy và học* (Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội dịch). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.